

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Có được những hiểu biết khái quát về phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.*
- *Biết vận dụng kiến thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.*

I – KHÁI QUÁT VỀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật là loại phong cách ngôn ngữ dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực văn chương (văn xuôi nghệ thuật, thơ, kịch).

Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật khác với các phong cách ngôn ngữ khác (phong cách ngôn ngữ khoa học, phong cách ngôn ngữ hành chính, phong cách ngôn ngữ chính luận, phong cách ngôn ngữ báo chí) trước hết là ở chức năng

thông báo – thẩm mỹ của nó. Mọi tính chất, đặc điểm của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật đều có liên quan tới nét khác biệt đó.

Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật có những đặc điểm chung như sau :

1. Tính thẩm mỹ

Cũng giống như âm thanh trong âm nhạc, màu sắc và đường nét trong hội hoạ, ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật được xem là chất liệu xây dựng hình tượng. Bản thân loại chất liệu này là tổng hoà của những kí hiệu, gồm hai mặt ngữ âm và ngữ nghĩa. Với tài năng sáng tạo, nhà văn, nhà thơ hướng sự chú ý vào tổ chức văn bản, tìm mọi cách cho hai mặt ngữ âm và ngữ nghĩa của kí hiệu ngôn ngữ hoà phối với nhau cùng phát huy tác dụng đối với cấu trúc từng câu, từng đoạn cũng như cấu trúc hoàn chỉnh của toàn bộ văn bản nghệ thuật. Chính vì vậy, văn chương được xem là tác phẩm nghệ thuật của ngôn ngữ, là sự thể hiện giá trị thẩm mỹ của ngôn ngữ.

Thử phân tích một đoạn trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du :

*Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân ?*

Ở đây, các yếu tố ngôn ngữ được tổ chức lại theo khuôn khổ của thể thơ lục bát. Mỗi dòng thơ là một câu nghi vấn tu từ, một câu tự hỏi không có lời đáp, với sự điệp từ ngữ và cấu trúc (*khi sao, giờ sao, mặt sao, thân sao*). Rồi hàng loạt biện pháp tu từ khác đã được dùng như so sánh (*tan tác như hoa giữa đường*), đối lập (*khi sao..., giờ sao...*), tăng tiến (*mặt sao..., thân sao...*), tách xen (*dày gió dạn sương, bướm chán ong chường*),... Sự hoà phối của những chất liệu đó đã vẽ nên bức tranh về nội tâm của nàng Kiều, bức tranh "Giật mình, mình lại thương mình xót xa".

2. Tính đa nghĩa

Mọi văn bản nghệ thuật đều phản ánh hoặc gợi ra những phương diện nhất định của cuộc đời, đều chứa đựng những tư tưởng, tình cảm của nhà văn, nhà thơ về cuộc sống và con người. Đó chính là nội dung, tức là nghĩa của văn bản nghệ thuật. Nội dung này gồm nhiều thành phần. Xét theo mối quan hệ giữa văn bản với đối tượng được đề cập, ta có :

– Thành phần biểu thị *thông tin khách quan* về đối tượng được đề cập, được phản ánh, được tái tạo thông qua tưởng tượng của nhà văn, nhà thơ.

– Thành phần biểu thị *tình cảm* của nhà văn, nhà thơ về đối tượng được đề cập.

Xét theo mối quan hệ giữa các yếu tố cấu trúc bên trong của văn bản, ta có :

– Thành phần được xác định căn cứ vào câu, chữ ; đó là *nghĩa tường minh*.

– Thành phần được suy ra từ câu, chữ đi kèm với nghĩa tường minh ; đó là *nghĩa hàm ẩn*.

Những thành phần nghĩa nói trên thống nhất với nhau thông qua những hình tượng nghệ thuật vừa cụ thể, vừa sinh động.

Điều cần đặc biệt lưu ý là thành phần nghĩa hàm ẩn có vai trò quy định vô cùng quan trọng trong văn bản nghệ thuật. Văn bản nghệ thuật bao giờ cũng phải có nghĩa hàm ẩn. Tên của một văn bản, như truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao mang nghĩa hàm ẩn (cách nhìn về con người, về cuộc đời). Bài thơ *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương cần được hiểu theo nghĩa hàm ẩn (thân phận và phẩm hạnh của người phụ nữ đương thời) chứ không phải chỉ hiểu theo nghĩa tường minh. Hơn nữa, thành phần nghĩa hàm ẩn trong nhiều trường hợp lại rất sâu kín, mỗi người, mỗi thời đều có thể phát hiện ra nhiều nét riêng, mới mẻ. Câu thơ của Quang Dũng "Anh bạn dãi dầu không bước nữa - Gục lên súng mũ bỏ quên đời", từ lâu được hiểu là nói về cái chết của người chiến sĩ Tây Tiến, nay có người cho rằng câu thơ nói về hình ảnh người lính quá mệt mỏi thiếp đi trong giấc ngủ chợp nhoáng.

3. Dấu ấn riêng của tác giả

Nhà văn, nhà thơ thường có sở thích, sở trường riêng trong diễn đạt : có người thiên về miêu tả cận kề, có người thiên về phác họa đôi nét làm dấu hiệu để gọi ra một cái gì đó ; có người mạnh về dùng ngôn ngữ sinh hoạt ở nông thôn, có người sở trường về dùng ngôn ngữ sinh hoạt ở thành thị ; có người ưa chuộng lối diễn đạt mang phong vị ca dao,... Quả thực, sở thích và sở trường diễn đạt của nhà văn, nhà thơ rất khác nhau, rất đa dạng. Sở thích và sở trường ấy thể hiện đều đặn trong các tác phẩm của nhà văn, nhà thơ đến một mức độ rõ ràng nào đấy thì tạo thành nét độc đáo của họ trong diễn đạt, làm nên dấu ấn riêng của tác giả. Chẳng hạn, thơ Hồ Xuân Hương không giống thơ Bà Huyện Thanh Quan, văn Nam Cao khác văn Vũ Trọng Phụng,... Nói như vậy là căn cứ vào dấu ấn riêng trong văn bản nghệ thuật do mỗi người sáng tạo ra.

LUYỆN TẬP

1. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật được dùng trong loại văn bản nào ?
2. Hãy trình bày đặc điểm chung của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
3. Hãy làm sáng tỏ đặc điểm chung của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật qua việc phân tích bài *Nhà nho vui cảnh nghèo* (trích *Hàn nho phong vị phú* – Nguyễn Công Trứ) và đoạn thơ sau đây :

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song ;
Thuyền về, nước lại sầu trăm ngả,
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

(Huy Cận – *Tràng giang*)